

### DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

#### Chỉ số Đại diện

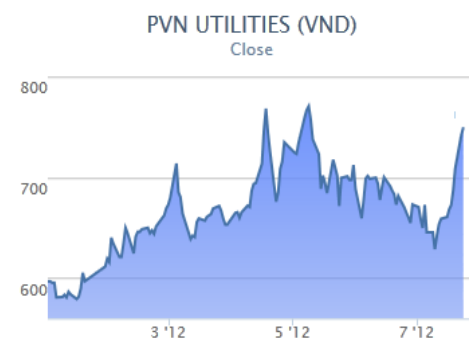
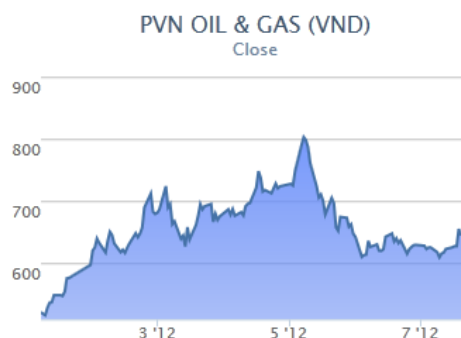
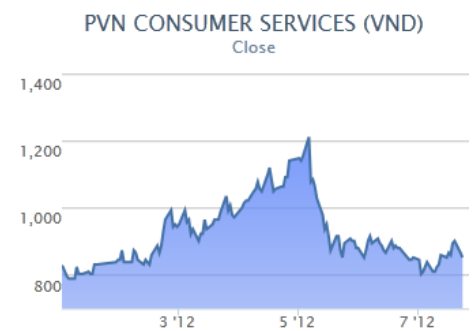


#### Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	786.81	↓-7.76	↓ -0.98
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	675.69	↓-2.56	↓ -0.38
PVN ALLSHARE	658.09	↓-2.49	↓ -0.38
PVN ALLSHARE HNX	569.17	↓-5.34	↓ -0.93
PVN ALLSHARE HSX	706.82	↓-2.14	↓ -0.3
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1049.28	↓11.59	↓ -1.09
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	852.11	→ 0	→ 0
PVN Tài Chính	589.87	↓-6.25	↓ -1.05
PVN Công Nghiệp	481.48	↓-8.38	↓ -1.71
PVN Dầu Khí	627.17	↓-0.57	↓ -0.09
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	750.94	↑1.27	↑ 0.17

#### Chỉ số Ngành



## Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	412.91 ↓	-2.72	-0.65%
KLGD (triệu ck)	34.14 ↓	-10.71	-23.88%
GTGD (tỷ đồng)	590.05 ↓	-69.38	-10.52%
Tổng cung (triệu ck)	116.22 ↓	-30.65	-20.87%
Tổng cầu (triệu ck)	120.50 ↓	-12.55	-9.43%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	3.15 ↑	1.17	58.91%
KL bán (triệu ck)	1.60 ↑	0.50	45.91%
Giá trị mua (tỷ đồng)	126.88 ↑	81.31	178.42%
Giá trị bán (tỷ đồng)	44.10 ↑	7.39	20.13%

### Nhận định thị trường:

Số liệu chính thức được Cơ quan Thống kê Anh (ONS) công bố ngày 25/07 cho thấy tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý 2/2012 giảm 0.7%, mạnh hơn so với dự báo giảm 0.2% và mức giảm 0.3% trong 3 tháng đầu năm.

Moody's hạ triển vọng tín nhiệm Đức, Hà Lan và Luxembourg xuống “tiêu cực”. Ngay sau đó, Moody's tiếp tục hạ triển vọng tín nhiệm quỹ giải cứu châu Âu xuống “tiêu cực”.

#### *Cập nhật kết quả kinh doanh nửa đầu năm 2012 của các DN đáng chú ý:*

Công ty Cổ phần FPT (FPT) công bố kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2012 của công ty mẹ. Theo đó, LNST của riêng quý II đạt 781,46 tỷ đồng, tăng 547% so với cùng kỳ. Như vậy, lãi quý II của FPT chủ yếu đến từ mảng tài chính. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2012, FPT lãi 1.344,88 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 138,64 tỷ đồng 6 tháng đầu năm 2011.

CTCP Gas Petrolimex công bố Báo cáo tài chính quý II của công ty mẹ. Theo đó 6 tháng đầu năm doanh thu thuần của PGC đạt 1.394 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2011, lợi nhuận thuần đạt 37,1 tỷ đồng, tăng hơn 10 lần so với 6 tháng đầu năm 2011.

Theo báo cáo KQKD được công bố, Công ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất (TNC) có LNTT 6 tháng đầu năm 2012 đạt 64,98 tỷ đồng, vượt 72,82% kế hoạch 37,6 tỷ đồng LNTT được ĐHCĐ giao phó.

*VN-index hiện dao động trong khoảng 392-430 điểm còn HNX-Index dao động vùng 65 – 72 điểm. Như đã nhận định trước đó, sau 3 phiên giảm mạnh thì các đợt phục hồi nhẹ có thể xuất hiện, tuy nhiên tình trạng hiện tại chỉ số hai sàn đang ở gần vùng kháng cự, thanh khoản sụt giảm là những tín hiệu cho thấy xác suất dao động giảm đang chiếm ưu thế trong ngắn hạn.*

Công Ty CPCM Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

## HNX:

## Nhận định thị trường:

## Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.68 ↓	-0.16	-0.23%
KLGD (triệu ck)	23.18 ↓	-28.23	-54.91%
GTGD (tỷ đồng)	206.94 ↓	-271.96	-56.79%
Tổng cung (triệu ck)	33.51 ↓	-42.25	-55.77%
Tổng cầu (triệu ck)	39.48 ↓	-21.12	-34.85%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.13 ↓	-0.54	-80.77%
KL bán (triệu ck)	0.27 ↓	-2.17	-89.04%
Giá trị mua (tỷ đồng)	1.38 ↓	-5.15	-78.86%
Giá trị bán (tỷ đồng)	3.32 ↓	-22.45	-87.11%



Đồ thị HNX-Index.

**Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: HNX-index dao động trong vùng 65 – 72 điểm. Trạng thái hiện tại cho thấy xác suất của chu kỳ dao động giảm đang chiếm ưu thế.**

Chúng ta thấy rằng những phiên qua HNX-Index đã thể hiện rất rõ tình trạng dòng tiền yếu và bất ổn đã không thể đưa chỉ số vào một chu kỳ tăng giá, một xu hướng tăng như kì vọng. Theo đó, trạng thái dao động khung đang được thiết lập và tăng dần độ tin cậy.

Công cụ ADX hạ trở lại xuống sát mức 20, chỉ báo này cho thấy sức giảm của xu thế downtrend đã đủ yếu để kết luận chấm dứt xu thế giảm, tuy nhiên ADX cũng không tăng trở lại, nếu duy trì quanh 20 – 30 thì đó mang nặng đặc trưng sức mạnh của một dao động ngang.

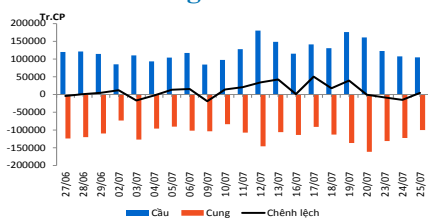
MFI không dao động trên vùng OVER BUY mà bắt đầu giảm trở lại. MFI giảm trở lại hội tụ với sự giảm điểm của HNX-Index cho thấy rằng dòng tiền hiện tại chỉ đủ duy trì trạng thái dao động cho HNX-Index mà chưa đủ mạnh để đưa HNX-index vào uptrend.

Mức 72 điểm sau khi test thất bại sẽ thành kháng cự mạnh. 65 điểm vẫn là hỗ trợ mạnh của HNX-index.

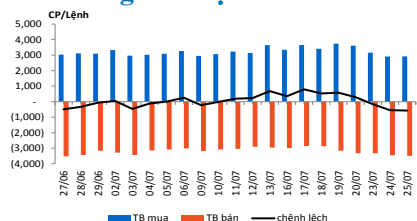
Thanh khoản giảm dần, HNX-Index đang ở gần kháng cự hơn, do đó sức bán sẽ có phần áp đảo so với bên mua, xác suất giảm điểm ngắn hạn chiếm ưu thế.

**HSX:**

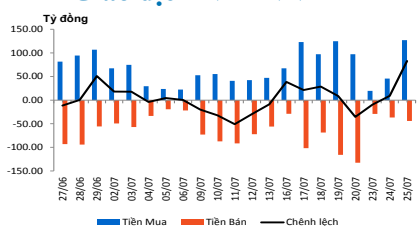
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

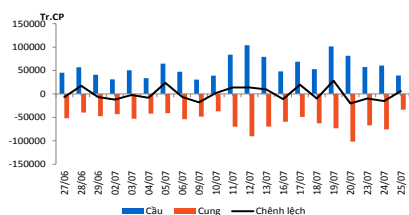
Mở đầu phiên giao dịch, giao dịch trên HSX tỏ ra khá thận trọng. Đợt khớp lệnh đầu tiên, VN-Index giảm nhẹ 0,64%, tương ứng với 2,69 điểm, với mức thanh khoản chỉ đạt gần 4 triệu đơn vị cổ phiếu. Đến 9h20, khớp lệnh lớn nhất trên sàn này là PTC và SAM nhưng chỉ có hơn 200 ngàn đơn vị. DPM tích cực trong vài phiên gần đây nhưng cũng đang bị bán ra mạnh. Nhóm vốn hóa lớn chỉ có VCB, GAS duy trì sắc xanh, trong khi PVT tiếp cận mức trần.

Kể từ cuối buổi sáng, lực cầu tỏ ra mạnh dạn hơn khi xuất hiện lệnh mua tham chiếu và giá xanh ở hàng loạt bluechips trên HOSE. Kết thúc phiên sáng, VN-Index giảm nhẹ 0.38% đang đứng ở mức 414 điểm. HNX-Index không đổi so với hôm qua. Tổng khối lượng khớp lệnh hai sàn đạt hơn 43 triệu đơn vị, giá trị hơn 506 tỷ đồng.

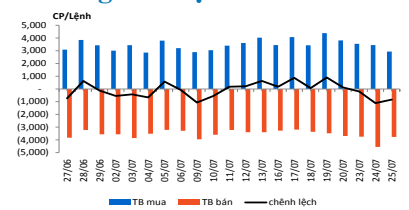
Kết thúc phiên, VN-index không có nhiều biến động khi chốt tại mức 412.91 điểm, giảm 2,72 điểm (-0,65%). Thanh khoản HSX đạt 43,5 triệu đơn vị, tương đương với hơn 707 tỷ đồng.

**HNX:**

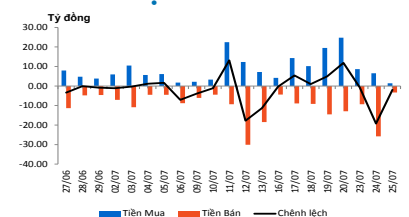
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Giao dịch trên HNX khởi động khá nhanh sau khi thị trường mở cửa. Tuy vậy, nhìn chung lực cầu chỉ chấp nhận neo ở giá thấp và chỉ số tiếp tục lùi nhẹ. Đáng chú ý tại PVX, trong khi lực bán tỏ ra dồn dập thì lực cầu bắt đáy với giá sàn và gần sàn cũng rất mạnh. PVX nhanh chóng dẫn đầu mức khớp lệnh lớn nhất trên HNX. Trên HNX, các mã quan trọng dẫn dắt thị trường như VND, BVS, KLS, SHS, SCR... vẫn giữ được đà tăng nhẹ. Khối ngoại mua hơn 600 ngàn VND. Kết thúc phiên buổi sáng, HNX-Index không thay đổi so với mức đóng cửa phiên trước.

Sang phiên buổi chiều, áp lực bán có phần tăng nhẹ trở lại khiến một số mã cổ phiếu chủ chốt giảm nhẹ. Chốt phiên tại 69,68 điểm, HNX-Index giảm nhẹ 0,16 điểm, tương đương với 0,22%. Thanh khoản sàn Hà Nội duy trì mức thấp khi chỉ đạt hơn 33,5 triệu đơn vị, tương đương với 297,69 tỷ đồng.



## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu tăng giá, 6 cổ phiếu đứng giá và 18 mã giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG (giảm 5,36%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,3% và tổng khối lượng giao dịch đạt 11,844 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 25/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,300.0	1,600	↓ -5.36	0.46	14.32	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,100.0	6,200	↓ -3.13	0.30	28.18	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,400.0	187,000	↓ -2.22	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,400.0	461,000	↓ -0.97	1.67	1.36	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,000.0	44,500	↓ -2.17	0.83	5.70	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,900.0	112,400	↑ 2.08	0.48	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,700.0	80,900	→ 0.00	0.88	2.20	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,800.0	29,100	↓ -1.82	1.89	4.93	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,000.0	268,200	→ 0.00	0.71	7.91	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,400.0	20,025	↑ 0.61	0.70	8.28	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,300.0	2,600	↓ -1.85	0.51	2.49	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,300.0	485,575	→ 0.00	1.29	4.09	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,600.0	6,465,050	↓ -3.37	0.38	3.23	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,600.0	59,190	→ 0.00	3.11	12.37	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,200.0	505,530	↓ -1.09	2.17	5.85	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	33,470	↓ -0.38	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,900.0	32,280	↓ -1.43	0.59	5.04	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,100.0	194,000	→ 0.00	0.69	2.98	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,000.0	117,360	↑ 0.53	1.86	5.37	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,200.0	206,780	↓ -4.55	0.41	3.26	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,500.0	235,540	↓ -0.89	1.13	6.58	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,800.0	1,204,380	↓ -1.67	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,200.0	703,680	↑ 4.00	0.53	47.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,000.0	254,240	↓ -4.76	0.58	4.00	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,400.0	88,490	↓ -3.57	0.49	2.81	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,800.0	28,970	↓ -0.92	0.82	3.24	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,400.0	16,400	↓ -3.57	0.49	3.55	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
LGC	17,100	17,900	4.68	31,027,318
BVH	44,500	42,500	-4.49	22,430,305
BMC	51,500	50,000	-2.91	19,558,338
DPM	36,600	36,200	-1.09	18,315,330
ITA	7,000	6,800	-2.86	18,233,510

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	8,900	8,600	-3.37	55,302
KLS	10,000	10,100	1.00	30,852
FLC	12,100	11,400	-5.79	11,299
GBS	15,900	15,900	0.00	10,542
PGS	20,600	20,400	-0.97	9,406

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,600	1,700	100	6.25
BCI	20,400	21,400	1,000	4.90
LGC	17,100	17,900	800	4.68
LM8	10,700	11,200	500	4.67
LHG	15,000	15,700	700	4.67

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
FDT	14,800	15,800	1,000	6.76
L62	7,400	7,900	500	6.76
CIC	3,000	3,200	200	6.67
NBP	13,600	14,500	900	6.62
NGC	10,700	11,400	700	6.54

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DHM	20,000	19,000	-1,000	-5.00
DHC	8,000	7,600	-400	-5.00
BGM	6,000	5,700	-300	-5.00
EVE	22,600	21,500	-1,100	-4.87
LSS	23,000	21,900	-1,100	-4.78

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
BHC	2,900	2,700	-200	-6.90
ECI	10,200	9,500	-700	-6.86
DC2	7,300	6,800	-500	-6.85
LDP	23,500	21,900	-1,600	-6.81
PTI	10,500	9,800	-700	-6.67

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
FPT	99,002	PVD	5,957
MBB	5,520	BVH	4,918
HAG	4,533	HAG	4,444
PVD	2,831	FPT	4,182
BMC	2,608	DPM	4,054

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PGS	406	PVS	1,107
PVE	172	AAA	1,028
PVS	160	BVS	235
HBB	116	BCC	204
DBC	109	HPC	111

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



**PSI**

*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339